

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BGDDĐT-KHTC
V/v lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo
Thông tư thay thế Thông tư số
14/2019/TT-BGDDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 14/2019/TT-BGDDĐT ngày 30/8/2019 hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng, giá dịch vụ giáo dục và đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Thông tư số 14).

Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo hồ sơ xây dựng Thông tư số 14 gồm có: Tờ trình, dự thảo Thông tư.

Kính đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu có ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư.

Ý kiến tham gia bằng văn bản xin gửi về: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Kế hoạch - Tài chính), số 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) và gửi vào địa chỉ email: kieuoanh@moet.gov.vn trước ngày

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thuởng

DANH SÁCH GỬI LẤY Ý KIẾN

(Kèm theo Công văn số 538/BGDĐT-KHTC ngày 01/02/2024 của Bộ GDĐT)

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ.
2. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ GDĐT.

Số:/2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường cao đẳng sư phạm (sau đây gọi là cơ sở giáo dục) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

c) Các đối tượng khác tham gia đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ giáo dục đào tạo từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

3. Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định đặc thù của từng lĩnh vực và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo (sau đây gọi là định mức kinh tế - kỹ thuật)* là lượng tiêu hao các yếu tố về lao động, thiết bị, vật tư để hoàn thành việc giáo dục đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm 04 định mức thành phần cơ bản: Định mức lao động, định mức thiết bị, định mức vật tư và định mức cơ sở vật chất.

2. *Định mức lao động* là mức tiêu hao về sức lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. *Định mức thiết bị* là mức tiêu hao giá trị đối với từng loại máy móc, thiết bị cần thiết để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. *Định mức vật tư* là mức tiêu hao từng loại nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu cần thiết để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

5. *Định mức cơ sở vật chất* là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng của một người học đối với từng loại cơ sở vật chất (khu học lý thuyết, khu thực hành thực tập và các khu chức năng khác) để hoàn thành việc đào tạo cho 01 (một) người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

6. *Giá dịch vụ giáo dục đào tạo* là toàn bộ chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định (tích lũy đầu tư) và chi phí, quỹ khác phục vụ trực tiếp và gián tiếp hoạt động giáo dục đào tạo.

Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kế hoạch, xây dựng, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ giáo dục đào tạo, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục đào tạo theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tiết kiệm.

2. Các cơ sở giáo dục công lập xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục; xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo để thực hiện các dịch vụ giáo dục đào tạo do cơ sở giáo dục cung cấp.

3. Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đào tạo, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

4. Đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ để hoàn thành việc giáo dục đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định hiện hành.

Chương II

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Điều 4. Phân loại định mức kinh tế - kỹ thuật

Căn cứ vào tình hình thực tế của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, các cơ sở giáo dục có thể phân loại định mức kinh tế kỹ thuật theo các nhóm sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp Bộ là định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các dịch vụ giáo dục đại học để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương là định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các ngành, nghề thuộc dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông, dịch vụ giáo dục trung cấp sư phạm và cao đẳng sư phạm, dịch vụ giáo dục thường xuyên của địa phương để áp dụng trong phạm vi các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục trực thuộc địa phương.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp cơ sở là định mức kinh tế - kỹ thuật do các cơ sở giáo dục xây dựng, thẩm định và ban hành, phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật theo 05 nhóm Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 5. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Quy định về chương trình giáo dục, chương trình đào tạo, chuẩn khối lượng kiến thức, chuẩn năng lực đầu ra của người học tương ứng mỗi cấp học và trình độ đào tạo.

2. Quy định Điều lệ trường mầm non; Điều lệ trường tiểu học; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên; trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, trường đại học; định mức, chế độ làm việc của nhà giáo, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ; định mức trang thiết bị giảng dạy, học tập.

3. Điều kiện thực tế hoạt động của các cơ sở giáo dục về cơ sở vật chất, bao gồm: công trình xây dựng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, sách giáo khoa, tài liệu.

4. Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

5. Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

6. Số liệu thống kê hằng năm và các tài liệu có liên quan.

Điều 6. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Phương pháp tiêu chuẩn: Căn cứ các tiêu chuẩn, quy định đã ban hành để xác định mức tiêu hao đối với từng công việc, làm cơ sở tính toán xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Phương pháp thống kê tổng hợp: Căn cứ số liệu thống kê hàng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê phải đảm bảo độ tin cậy, pháp lý trong thời gian 03 năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật) và thực tế giáo dục đào tạo tại cơ sở giáo dục để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Điều 7. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

Áp dụng một hoặc đồng thời các phương pháp được quy định tại Điều 6 của Thông tư này để xây dựng các định mức thành phần như sau:

1. Định mức lao động

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp (giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...) + Định mức lao động gián tiếp (quản lý; phục vụ...).

Định mức lao động trực tiếp là thời gian giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...

Định mức lao động gián tiếp được tính theo tỷ lệ % của lao động trực tiếp.

2. Định mức thiết bị

- Xác định chủng loại thiết bị;
- Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị;
- Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại thiết bị;
- Tổng hợp định mức thiết bị.

Các thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ của lao động gián tiếp tại cơ sở giáo dục không được tính trong định mức thiết bị.

Định mức thiết bị = Mức giá thiết bị ban đầu x Tỷ lệ % hao mòn theo chế độ quy định.

3. Định mức vật tư

- Xác định chủng loại vật tư;
- Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư: Căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);
- Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư: Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi;

- Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư: Mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp trong đào tạo.

4. Định mức cơ sở vật chất

a) Định mức sử dụng khu học lý thuyết cho 01 (một) người học:

$$Đ_{lt} = S_{lt} \times T_{lt}$$

Trong đó:

- $Đ_{lt}$: Định mức sử dụng khu học lý thuyết của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (đơn vị tính $m^2 \times \text{giờ/người học}$).

- S_{lt} : Diện tích sử dụng trung bình của 01 (một) người học tại khu học lý thuyết trong quá trình đào tạo (đơn vị tính $m^2/\text{người học}$).

- T_{lt} : Tổng thời gian sử dụng tại khu học lý thuyết của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (đơn vị tính giờ).

b) Định mức sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo:

$$Đ_{th} = S_{th} \times T_{th}$$

Trong đó:

- $Đ_{th}$: Định mức sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo ($m^2 \times \text{giờ/người học}$).

- S_{th} : Diện tích sử dụng trung bình từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo ($m^2/\text{người học}$).

- T_{th} : Tổng thời gian sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (giờ).

c) Định mức các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật khác trong trường được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng định mức khu học lý thuyết và khu thực hành, thực tập, thí nghiệm.

Điều 8. Các bước xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

Bước 1: Xây dựng quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công;

Bước 2: Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Bước 3: Thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

Tổ chức, cá nhân được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 9. Trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Lập kế hoạch xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

a) Căn cứ vào Danh mục chi tiết các dịch vụ sự nghiệp công, tổ chức, cá nhân được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch chi tiết xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng dịch vụ sự nghiệp công.

b) Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do nhiều tổ chức, cá nhân cùng thực hiện thì việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật do người

có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật giao cho một tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có dịch vụ cùng xây dựng.

2. Trong trường hợp cần thiết thành lập ban soạn thảo (tổng kết thực tiễn, xây dựng quy trình thực hiện dịch vụ, lập dự thảo tờ trình, xây dựng dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật);

3. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan trong nội bộ cơ quan của người có thẩm quyền ban hành;

4. Lấy ý kiến rộng rãi các bộ, ngành, địa phương bằng văn bản và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng phương tiện thông tin đại chúng;

5. Thẩm định hồ sơ dự thảo văn bản ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật;

6. Trình ký ban hành văn bản quy định định mức kinh tế - kỹ thuật;

7. Ban hành.

Chương III

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

Điều 10. Nguyên tắc tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

1. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo là toàn bộ các khoản chi phí thực tế hợp lý phát sinh để hoàn thành việc giáo dục đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành bao gồm chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định (tích lũy đầu tư) và các chi phí, khác và tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có).

2. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo được phân biệt theo cấp học, nhóm ngành và chương trình đào tạo.

3. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo được điều chỉnh khi các yếu tố hình thành giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thay đổi.

Điều 11. Xác định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

1. Giá dịch vụ giáo dục đào tạo xác định theo công thức sau:

Giá dịch vụ giáo dục đào tạo	=	Chi phí tiền lương	+	Chi phí vật tư	+	Chi phí quản lý	+	Chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định (tích lũy đầu tư)	+	Chi phí, khác	+ Tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có)
--	---	-----------------------------	---	-------------------------	---	--------------------------	---	---	---	---------------------	---

2. Chi phí tiền lương

a) Chi phí tiền lương gồm các khoản tiền phải trả cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp tham gia thực hiện dịch vụ giáo dục đào tạo gồm tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các chi phí khác phải chi trả theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chi phí tiền

Định mức lao

Đơn giá tiền lương hoặc

$$\text{lương} = \text{động} \times \text{chi phí tiền công}$$

- Định mức lao động: Xây dựng theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 7 của Thông tư này;

- Đơn giá tiền lương thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về tiền lương; chi phí tiền công là chi phí phải trả cho người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

b) Căn cứ điều kiện và yêu cầu thực tế, chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở quỹ tiền lương hoặc theo nguồn thu của cơ sở giáo dục đảm bảo hoạt động hiệu quả của đơn vị và phải được quy định chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Chi phí vật tư là chi phí phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, thực hành, thực nhiệm và nghiên cứu khoa học; hoạt động cung cấp dịch vụ, gồm: Chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, điện, nước, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và các chi phí khác được xác định trên cơ sở mức tiêu hao vật tư và đơn giá vật tư:

a) Mức tiêu hao vật tư được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật như sau:

- Đối với sản phẩm đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì áp dụng theo định mức kinh tế - kỹ thuật;

- Đối với sản phẩm chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì áp dụng theo định mức do Hiệu trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức kinh tế - kỹ thuật được áp dụng đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

b) Đơn giá vật tư được xác định như sau:

Đơn giá vật tư dùng để tính giá dịch vụ giáo dục đào tạo là giá bao gồm thuế giá trị gia tăng, được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng. Cụ thể như sau:

- Đối với vật tư do Nhà nước định giá: tính theo giá do Nhà nước quy định cộng (+) chi phí lưu thông hợp lý (nếu có);

- Đối với vật tư mua ngoài:

Nếu không có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định thì tính theo mức giá thấp nhất từ các nguồn thông tin như giá thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp hoặc báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp;

Nếu có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định thì tính theo giá mua ghi trên hóa đơn mua/bán hàng; hoặc giá trúng thầu, giá trúng đấu giá, giá niêm yết cộng (+) chi phí hợp lý, hợp lệ để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục (nếu có);

- Đối với vật tư trực tiếp nhập khẩu đưa vào sử dụng: Tính theo giá vốn nhập khẩu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (+) các chi phí thực tế hợp lý để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục (nếu có);

- Đối với vật tư tự chế: Tính theo giá thực tế xuất kho cộng (+) chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục (nếu có);

- Đối với vật tư thuê gia công chế biến: Tính theo giá thực tế xuất kho giao gia công cộng (+) chi phí gia công cộng (+) các chi phí hợp lý để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục (nếu có);

Giá các loại vật tư và các khoản chi phí về gia công chế biến, vận chuyển, bảo quản, thu mua,... phải được ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí quản lý là chi phí phục vụ các phòng, ban của bộ phận quản lý trong cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Chi phí tuyển sinh;

b) Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định; chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

c) Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và chi phí hợp lý khác;

5. Chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định là chi phí khấu hao hoặc hao mòn nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản cố định khác sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo được tính theo quy định của Bộ Tài chính và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định vào giá dịch vụ giáo dục đào tạo do cấp có thẩm quyền quy định.

6. Chi phí khác gồm thuế môn bài, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác.

7. Tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Căn cứ các quy định tại Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật khung áp dụng trong lĩnh vực đào tạo theo các nhóm ngành.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì tổ chức thẩm định và phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật đến các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý. Báo cáo kết quả thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để theo dõi và tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các ngành, nghề thuộc dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông, dịch vụ giáo dục cao đẳng sư phạm, dịch vụ giáo dục thường xuyên của địa phương để áp dụng trong phạm vi các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục trực thuộc địa phương. Báo cáo kết quả thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật của địa phương gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để theo dõi và tổng hợp.

4. Hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, thẩm định, phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và các cơ sở giáo dục công lập.

5. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đã ban hành bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

6. Lộ trình ban hành.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục công lập

1. Căn cứ quy định tại Thông tư này:

a) Đối với các chương trình đào tạo đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương, các hoạt động bồi dưỡng chứng chỉ ngắn hạn liên kết với các cơ sở giáo dục đào tạo tại địa phương, ...

Phương án 1: Cơ sở giáo dục công lập tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng Đại học, Hội đồng trường thẩm định, phê duyệt và báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp.

Phương án 2: Cơ sở giáo dục công lập tổ chức xây dựng có ý kiến chấp thuận của Hội đồng Đại học, Hội đồng trường; trình cơ quan chủ quản (Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) thẩm định và phê duyệt.

b) Đối với 07 nhóm ngành đào tạo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, cơ sở giáo dục công lập tổ chức xây dựng có ý kiến chấp thuận của Hội đồng Đại học, Hội đồng trường; trình cơ quan chủ quản (Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) thẩm định và phê duyệt.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình xây dựng, thẩm định, phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền cho các cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo tại địa phương trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

Điều 14. Kinh phí xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục sử dụng nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Trong trường hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục công lập đã xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch

vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo thì thực hiện xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Thông tư này.

3. Thông tư này thay thế Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các tỉnh; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Đại học, Học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hội đồng Đại học; Hội đồng trường; Hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm và các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 14 (để thực hiện);
- Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

Số: /TTr-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ giao, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư).

Vụ Kế hoạch – Tài chính kính trình Bộ trưởng nội dung dự thảo Thông tư như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ:

Thực hiện Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó quy định “*các Bộ ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý*”;

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

- Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ giáo dục đào tạo, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Các cơ sở giáo dục công lập xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục; xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo để thực hiện các dịch vụ giáo dục đào tạo do cơ sở giáo dục cung cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập

- Ngày 27/3/2023, đã trình Thủ trưởng kí ban hành Kế hoạch số 459/KH-BGDĐT về việc xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

- Ngày 05/07/2023, đã trình Thủ trưởng kí ban hành Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ Biên tập Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14, trong đó: (1) Thành phần Ban soạn thảo, bao gồm: Ông Trần Thanh Đạm, Vụ trưởng Vụ KHTC; Ông Ngô Văn Thịnh, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Phó Trưởng ban; Ủy viên Ban soạn thảo: bao gồm 20 thành viên đại diện các một số bộ, sở giáo dục và đào tạo địa phương, các Vụ thuộc Bộ GDĐT và trường đại học; (2) Thành phần Tổ biên tập, bao gồm: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh, Chuyên viên chính Vụ KHTC, Tổ trưởng; Bà Đào Thị Duyên, Chuyên viên Vụ KHTC, thư ký; Thành viên là các chuyên viên của các đơn vị của các Bộ, các Sở Giáo dục và Đào tạo, một số trường đại học và các đơn vị thuộc Bộ: Mầm non; Tiểu học; Trung học; Đại học; Cơ sở vật chất.

Ban soạn thảo, Tổ biên tập có trách nhiệm giúp Lãnh đạo Bộ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và kế hoạch nghiên cứu xây dựng dự thảo Thông tư, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư

- Ngày 22/8/2023, đã trình Thủ trưởng kí Công văn số 4530/BGDĐT-KHTC gửi các bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ đề nghị đánh giá tình hình triển khai Thông tư số 14, rà soát khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư;

- Đã xin ý kiến Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo 1 Thông tư;

- Ngày 08/9/2023, đã tổ chức Hội thảo tại miền Nam; ngày 28/9/2023, đã tổ chức Hội thảo tại miền Bắc xin ý kiến Bộ Tài chính, Tư pháp, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban kiểm tra trung ương, các Sở GDĐT, các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ về dự thảo Thông tư.

- Đã tổ chức khảo sát 02 đợt tại Đại học Thái Nguyên và Đại học Huế.

- Đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 15/11/2023 lấy ý kiến sau khi tổng hợp toàn bộ ý kiến từ báo cáo đề xuất kiến nghị của đơn vị, qua các cuộc hội thảo, qua các cuộc khảo sát.

Kết quả như sau:

- Vụ KHTC đã nhận được báo cáo của 09 Bộ, ngành; 34 địa phương và 08 cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ báo cáo về tình hình triển khai thông tư 14, trong đó mới có 07 địa phương ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh (*UBND các tỉnh: Bắc Giang, Hưng Yên, Sơn La, Bến tre, Tây Ninh, Lai Châu, Kon Tum*); 06 cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ GDĐT đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật (*Trường ĐH Mở HN, Trường ĐH Mở HCM, Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐHSP kỹ thuật TPHCM, Trường ĐHSP Thái nguyên thuộc ĐHTN, Trường ĐH Kinh tế thuộc ĐHQG*). Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc chính là:

+ Một số địa phương, cơ sở giáo dục còn lúng túng trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành định mức KTKT do Thông tư 14 hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức KTKT; Điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên thẩm định; địa phương, cơ sở giáo dục không đảm bảo nhân lực để xây dựng định mức KTKT, vướng mắc về thẩm quyền ban hành.

+ Tại Phụ lục của Thông tư chưa có hướng dẫn việc xây dựng các định mức KTKT (lao động, thiết bị, vật tư).

+ Mỗi ngành, hệ đào tạo lại có đặc thù khác nhau dẫn đến khó khăn trong việc xây dựng định mức KTKT.

+ Tại địa phương, các trường vùng nông thôn do vẫn còn các điểm trường, số học sinh trên lớp ở các điểm trường không đồng đều (nhất là đối với cấp học Mầm non) do vậy việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cũng gặp khó khăn.

- Các ý kiến góp ý dự thảo 1 Thông tư tại Ban soạn thảo, Tổ biên tập, 02 cuộc Hội thảo và 02 đợt khảo sát, tập trung vào kiến nghị, đề xuất chính ở các vấn đề như sau:

+ Thống nhất sửa đổi tên Thông tư thành “Thông tư hướng dẫn *quy trình* xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng ~~giá dịch vụ giáo dục đào tạo dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước~~ áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo”.

+ Về căn cứ ban hành: Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực thi hành và đề nghị bổ sung Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông mầm non có nhiều cấp học.

+ Về thành phần định mức KTKT, đề nghị bổ sung định mức cơ sở vật chất do đã có Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông mầm non có nhiều cấp học.

+ Về phân loại định mức KTKT: Thống nhất phân loại theo 05 nhóm Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN quy định tại QĐ số 186/2017/QĐ-TTg ngày 10/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên tại Quyết định số 186/2017/QĐ-TTg ngày 10/2/2017 không quy định dịch vụ giáo dục thường xuyên (bổ túc văn hoá) nên khi thực tế xây dựng định mức KTKT còn vướng mắc. Đề nghị sửa đổi Quyết định số 186/2017/QĐ-TTg ngày 10/2/2017.

+ Về phương pháp xây dựng ĐMKTKT: Đề nghị sửa đổi phương pháp tính thực tế theo chương trình đào tạo thành phương pháp thống kê tổng hợp.

+ Đề nghị bổ sung quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành định mức KTKT

+ Về thẩm quyền ban hành: Cấp nào quản lý thì cấp đó phê duyệt định mức KTKT. Lĩnh vực giáo dục (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên) do UBND tỉnh ban hành định mức KTKT. Đối với lĩnh vực đào tạo, cũng cần phân cấp theo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học theo Luật Giáo dục, các trường có chương trình đạt kiểm định thì trường có quyền ban hành định mức KTKT.

+ Đề nghị bổ sung quy định lộ trình ban hành định mức KTKT theo 3 năm hoặc 5 năm, có sự điều chỉnh các năm.

+ Các cơ sở giáo dục đại học đề nghị Bộ GDĐT nên ban hành khung định mức KTKT chung hoặc quy định mức trần định mức KTKT theo nhóm ngành.

+ Tại phụ lục Thông tư 14 đang hướng dẫn ví dụ định mức chi phí, đề nghị sửa đổi thành phụ lục về định mức KTKT theo 4 định mức (lao động, thiết bị, vật tư, cơ sở vật chất).

3. Lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư

- Dự thảo Thông tư đã được gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thuộc, trực thuộc Bộ GDĐT (Công văn số/BGDĐT-KHTC ngày/..... của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tổng hợp các ý kiến góp ý, xây dựng thành Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến.

- Tổ soạn thảo báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách về nội dung của dự thảo Thông tư sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ GDĐT.

4. Thẩm định dự thảo Thông tư

- Dự thảo Thông tư đã được Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định ngày

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Thông tư.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư bao gồm ... Điều và Quy trình và

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

Trên cơ sở các nội dung công việc đã triển khai thực hiện tại mục 1 nêu trên, Tổ biên tập đã tổng hợp tiếp thu và hoàn thiện dự thảo 2 Thông tư để xin ý kiến Thứ trưởng chỉ đạo hoàn thiện, xin ý kiến Bộ trưởng cho phép đăng mạng, cụ thể như sau:

Thông tư 14 hiện hành gồm 14 Điều, dự thảo Thông tư mới bổ sung 02 Điều ở Chương II (liên quan đến quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật) và sửa đổi, bổ sung một số khoản tại các Điều, cụ thể:

1. Căn cứ xây dựng thông tư: đã cập nhật và thay thế các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Tuy nhiên trong quá trình xin ý kiến có một số góp ý đề nghị bổ sung thêm một số văn bản như: Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Sở GDĐT Nam Định).

2. Điều 1: Thay “hướng dẫn” thành “quy định quy trình”. Đa số ý kiến tại các Hội thảo và qua khảo sát của Tổ Biên tập thống nhất với việc bổ sung cụm từ trên (Sở GDĐT Ninh Bình, Trường ĐH Nông lâm TP.HCM...).

3. Điểm a khoản 2 Điều 1: có ý kiến của **Bộ Công An**: Đề nghị Bộ GDĐT chỉnh sửa đối tượng áp dụng tại TT14 theo hướng loại bỏ trường trung cấp sư phạm do Luật Giáo dục 2019 quy định trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo phải có bằng cao đẳng sư phạm trở lên, đồng nghĩa với việc các trường này đã bị giải thể.

4. Điểm b khoản 2 Điều 1: đề xuất bỏ “*xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành đào tạo, các dịch vụ giáo dục đào tạo do Nhà nước tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước*” vì đây là nội dung quy định về đối tượng áp dụng. Vì vậy, cụm từ trên đưa vào khoản này là không phù hợp.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2: thêm 01 định mức thành phần là Định mức cơ sở vật chất, việc thêm 01 định mức thành phần này là ý kiến của đa số cơ sở giáo dục đại học và địa phương tại các cuộc khảo sát và Hội thảo trên toàn quốc và căn cứ tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm

non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

6. Khoản 3 và khoản 4 Điều 2: Bổ sung cụm từ “giáo dục” vào sau cụm từ “đào tạo”. Đây là ý kiến của các địa phương vì Thông tư 14 mới quy định về đào tạo.

7. Điều 3: Bổ sung nguyên tắc để đảm bảo tính đúng tính đủ việc giáo dục đào tạo 1 người học nhằm thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

“3. Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đào tạo, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

4. Đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ để hoàn thành việc giáo dục đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định hiện hành.”

8. Điều 4: Giữ nguyên khoản 1,2,3 (theo ý kiến số cơ sở giáo dục như: Trường ĐH SP TP.HCM) và bổ sung khoản 4 căn cứ Quyết định số 186 và phù hợp với Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ (đây cũng là ý kiến của một số đơn vị như: Trường ĐH Vinh, Đại học Huế, Sở GDĐT Ninh Bình, Sở GDĐT Nam Định, Trường Đại học Cần Thơ).

9. Sửa đổi khoản 2 điều 6: Sửa phương pháp tính toán thực tế theo chương trình đào tạo thành phương pháp thống kê tổng hợp và hoàn thiện khoản 2 Điều 6 theo đúng bản chất tính toán.

10. Bổ sung Điều 7: *Thủ tục xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật* – Lý do: Đa số các ý kiến qua hội thảo, khảo sát và báo cáo thực hiện Thông tư của các đơn vị gửi về Vụ KHTC đều đề xuất bổ sung thủ tục xây dựng định mức KTKT.

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng theo hai bước:

Bước 1: Xây dựng quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công;

Bước 2: Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Bước 3: Thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật. Tổ chức, cá nhân được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư này.

11. Bổ sung Điều 8: *Trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật* – Lý do: Đa số các ý kiến qua hội thảo, khảo sát và báo cáo thực hiện Thông tư của các đơn vị gửi về Vụ KHTC đều đề xuất bổ sung trình tự xây dựng định mức KTKT.

1. Lập kế hoạch xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

a) Căn cứ vào Danh mục chi tiết các dịch vụ sự nghiệp công, tổ chức, cá nhân được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch chi tiết xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng dịch vụ sự nghiệp công.

b) Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do nhiều tổ chức, cá nhân cùng thực hiện thì việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật do người có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật giao cho một tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có dịch vụ cùng xây dựng.

2. Thành lập tổ soạn thảo (tổng kết thực tiễn, xây dựng quy trình thực hiện dịch vụ, lập dự thảo tờ trình, xây dựng dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật);

3. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan trong nội bộ;

4. Lấy ý kiến rộng rãi các bộ, ngành, địa phương bằng văn bản và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng phương tiện thông tin đại chúng;

5. Thẩm định hồ sơ dự thảo thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật;

6. Trình ký ban hành thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật;

7. Phát hành”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 7:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 (dựa trên ý kiến của Bộ Văn hóa và nghiên cứu, tham khảo Thông tư 03/2020 của Bộ Lao Động về xây dựng định mức KTKT).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 (cơ sở sửa đổi: bổ sung mô tả để công tác tính toán định mức giáo dục đào tạo 01 học sinh/sinh viên đầy đủ, đồng thời nghiên cứu, tham khảo Thông tư của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế và một số ý kiến như Trường ĐH Quy Nhơn, Sở GDTPHCM, ..

- Bổ sung khoản 4 (trên cơ sở ý kiến của ĐH Xây dựng, ĐH Sư phạm 2, Hà Tĩnh)

13. Bỏ Điều 8 Thông tư 14 vì trùng lặp với Điều 11 Thông tư 14 và đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, 14 Điều 1 dự thảo.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9, bổ sung cụm từ **“là toàn bộ các khoản chi phí thực tế hợp lý phát sinh để hoàn thành việc giáo dục đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành” và “và tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có)”**, bỏ ~~“phải tiến tới tính đúng, tính đủ chi phí thành phần”~~ để phù hợp quy định của Luật Giá, đồng thời tiếp thu ý kiến của Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm c khoản 3 (Tiếp thu ý kiến của Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính).

- Bổ sung “Tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có)” vào công thức tính Giá dịch vụ giáo dục đào tạo

- Bỏ nội dung “Chi phí quản lý được xác định trên cơ sở số liệu thống kê trung bình các nội dung chi phí quản lý trong 3 năm liền kề (theo mục lục ngân sách nhà nước) của cơ sở giáo dục đảm bảo hoạt động hiệu quả của đơn vị. Tổng chi phí quản lý tối đa không vượt quá 10% tổng các chi phí cấu thành giá dịch vụ đào tạo và phải được quy định chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 10: “**Tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có).**” Tiếp thu ý kiến của Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 11: “**Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục công lập.**”

1. Căn cứ các quy định tại Thông tư này, **Bộ GDĐT chủ trì** xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật **khung** áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo ~~theo phân cấp~~ **theo các nhóm ngành.**

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì tổ chức thẩm định và phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Báo cáo kết quả thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để theo dõi và tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các ngành, nghề thuộc dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông, dịch vụ giáo dục trung cấp sư phạm và cao đẳng sư phạm, dịch vụ giáo dục thường xuyên của địa phương để áp dụng trong phạm vi các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục trực thuộc địa phương. Báo cáo kết quả thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật của địa phương gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để theo dõi và tổng hợp.

4. Hằng năm, Bộ GDĐT chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, thẩm định, phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và các cơ sở giáo dục công lập.

5. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đã ban hành bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

6. Lộ trình ban hành

~~2. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo phân cấp đã ban hành bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành. Hướng dẫn xây dựng và thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật của các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định của Thông tư này và trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành.~~

~~3. Theo dõi, tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật tại các cơ sở giáo dục trực thuộc gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.~~

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 “Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục công lập” như sau:

1. Căn cứ quy định tại Điều 7 Thông tư này:

a) **Đối với các chương trình đào tạo lập đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc**

tương đương, các hoạt động bồi dưỡng chứng chỉ ngắn hạn liên kết với các cơ sở giáo dục đào tạo tại địa phương, ... cơ sở giáo dục công lập tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng Đại học, Hội đồng trường thẩm định, phê duyệt và báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp.

b) Đối với 07 nhóm ngành đào tạo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, cơ sở giáo dục công lập tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ quan quản lý trực tiếp tại Điều 11 Thông tư này xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ sở giáo dục có ý kiến chấp thuận của Hội đồng Đại học, Hội đồng trường; trình cơ quan chủ quản (Bộ, cơ quan ngang Bộ) thẩm định và phê duyệt.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình xây dựng, thẩm định, phê duyệt thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền cho các cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo tại địa phương trước ngày 30 +5 tháng 11 +2 hằng năm.

3. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành”.

Trên đây là sự cần thiết ban hành, quá trình soạn thảo và bố cục, nội dung dự thảo Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Vụ Kế hoạch – Tài chính kính trình Lãnh đạo Bộ xem xét và ký ban hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

VỤ TRƯỞNG

Trần Thanh Đạm